

Số 1218 - QĐ/HINDTW

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng
của Hội Nông dân Việt Nam

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn về thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VI;
- Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Hội,

**BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

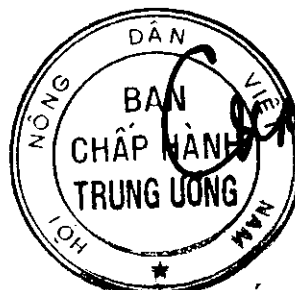
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Cơ quan Trung ương Hội; Hội Nông dân các cấp; Thủ trưởng các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

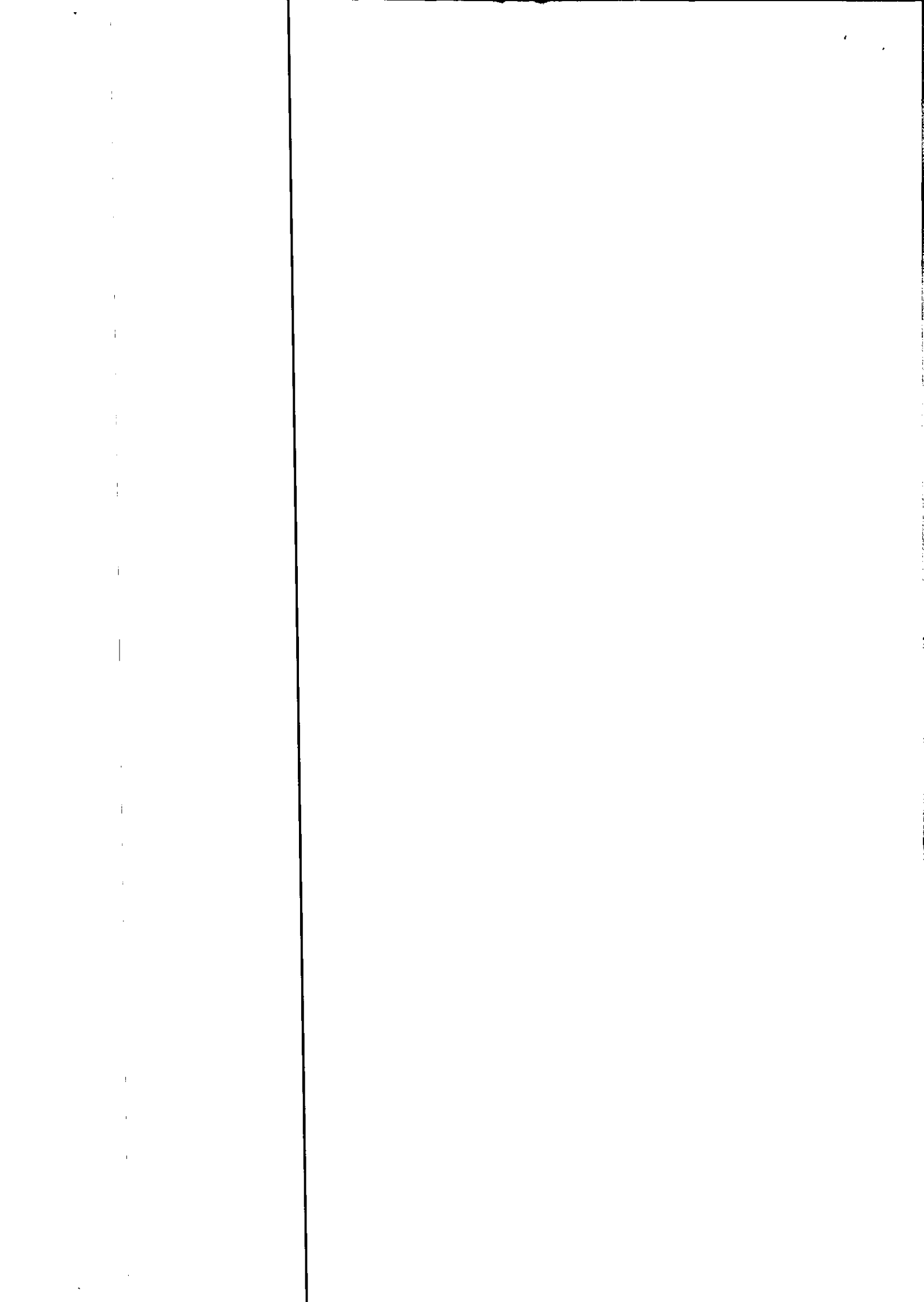
Nơi nhận:

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng TW Hội;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan TW Hội;
- Các đồng chí Ủy viên BCH TW Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Các ban, đơn vị Trung ương Hội;
- Lưu VP, BTC.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Cường



QUY ĐỊNH
Về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam
(Sửa đổi, bổ sung)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1218 - QĐ/HNDTW ngày 24 tháng 12 năm 2014
của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét danh hiệu thi đua, xét khen thưởng và một số nội dung khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

2. Thi đua, khen thưởng trong các cơ quan chuyên trách của Hội và việc đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân Việt Nam thực hiện theo pháp luật về thi đua, khen thưởng của Nhà nước và các quy định có liên quan trong Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho:

1. Hội Nông dân các cấp.
2. Cán bộ Hội Nông dân các cấp và hội viên nông dân có thành tích xuất sắc trong công tác, học tập, lao động, sản xuất, hoạt động xã hội.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức nước ngoài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu hoặc có những đóng góp lớn cho sự phát triển của tổ chức Hội và phong trào nông dân.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

a) Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển, có nhiều đóng góp hiệu quả cho công tác Hội và phong trào nông dân và sự phát triển của Hội Nông dân Việt Nam.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả thực hiện nội dung, tiêu chuẩn thi đua của tập thể và cá nhân đã đăng ký tham gia phong trào thi đua.

c) Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua. Những trường hợp không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng

Khen thưởng là sự đánh giá, ghi nhận và biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp trong công tác Hội và phong trào nông dân. Khen thưởng được thực hiện trên nguyên tắc:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
- b) Thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân để khen thưởng. Thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó.
- c) Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, cơ sở, cá nhân đặc biệt những cá nhân là người trực tiếp, có nhiều sáng tạo trong công tác, lao động sản xuất.
- d) Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.
- đ) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một cá nhân hoặc tập thể (trừ Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam”). Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.
- e) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức tổ chức các phong trào thi đua và đối tượng khen thưởng. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người làm theo.
- g) Kết hợp giữa động viên tinh thần và khuyến khích bằng vật chất.
- h) Không xét khen thưởng đối với những trường hợp: Tập thể, cá nhân bị kỷ luật (Đảng, chính quyền, đoàn thể) từ hình thức khiển trách trở lên (trong thời gian một năm kể từ ngày có quyết định), hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thủ tục và thời gian quy định.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt, nhanh, hiệu quả đối với những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Phạm vi tổ chức thi đua: Trong toàn hệ thống Hội, trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cấp cơ sở.

Điều 5. Nội dung tổ chức các phong trào thi đua

1. Xây dựng nội dung của các phong trào thi đua: Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm; xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua để đề ra nội dung, chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với thực tế, điều kiện, khả năng tham gia của các cấp Hội và các cá nhân.

2. Tổ chức phát động thi đua: Căn cứ nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân, đặc điểm của từng địa phương, đơn vị để có hình thức, tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng công tác tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong cán bộ, hội viên nông dân, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương hình thức trong thi đua.

3. Triển khai thực hiện phong trào thi đua: Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điềm để rút kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến, những mô hình, nhân tố mới trong thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua: Đánh giá kết quả thi đua; đối với những đợt thi đua dài ngày phải có sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua để khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức và tuyên truyền các phong trào thi đua

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp phối hợp với các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở địa phương để tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong các cấp Hội, trong cán bộ, hội viên, nông dân; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình, nhân tố mới.

2. Thủ trưởng các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội; Hội Nông dân các tỉnh, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý.

3. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền của Hội có trách nhiệm tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước của Hội, của Nhà nước, của địa phương; tuyên truyền chủ chương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi, vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

- a) “Tập thể Lao động xuất sắc” (Đối với cơ quan Trung ương Hội).
- b) “Tập thể lao động tiên tiến” (Đối với cơ quan Trung ương Hội).
- c) “Đơn vị xuất sắc” (Đối với Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện, cơ sở)
- d) “Đơn vị tiên tiến” (Đối với Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện, cơ sở)
- d) “Chi Hội vững mạnh xuất sắc”
- e) “Tổ Hội vững mạnh xuất sắc”

2. Đối với cá nhân

“Hội viên xuất sắc tiêu biểu”

3. Danh hiệu hộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”

Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu hộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” được thực hiện theo Quy định “Tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp” và các văn bản hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, tiêu chuẩn thực hiện theo Điều 17, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Đối với “Tập thể lao động xuất sắc” phải được Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cơ quan Trung ương Hội xếp trong những đơn vị dẫn đầu của cơ quan Trung ương Hội. Tỷ lệ không quá 70% tổng số các ban, đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Đơn vị xuất sắc”, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là đơn vị tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.
- Có sáng kiến nổi bật trong chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua và các nhiệm vụ công tác Hội đạt hiệu quả.
- Nội bộ đoàn kết.
- Được cụm thi đua tôn vinh, xếp dẫn đầu cụm thi đua cùng cấp.

c) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt thành tích xuất sắc trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước của Hội, các cuộc vận động và nhiệm vụ công tác Hội; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Nghị quyết Ban Chấp hành các cấp Hội đề ra trong năm.

- Có sáng kiến trong chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua và các nhiệm vụ công tác Hội đạt hiệu quả.

- Nội bộ đoàn kết.

d) Danh hiệu “Chi Hội vững mạnh xuất sắc”

Là những chi Hội xuất sắc tiêu biểu được bình chọn trong số các chi Hội đạt tiêu chuẩn vững mạnh theo Hướng dẫn về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Hội của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

e) Danh hiệu “Tổ Hội vững mạnh xuất sắc”

Là những tổ Hội xuất sắc tiêu biểu được bình chọn trong số các tổ Hội đạt tiêu chuẩn vững mạnh theo Hướng dẫn về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Hội của Ban Thường vụ Trung ương Hội và tỉnh, thành Hội.

2. Đối với cá nhân: Danh hiệu “Hội viên xuất sắc tiêu biểu”

- Đối tượng, tiêu chuẩn:

+ Hội viên nông dân có thành tích đặc biệt xuất sắc, được tôn vinh, trở thành tấm gương trên một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực của công tác Hội và phong trào nông dân.

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người hội viên.

+ Gương mẫu, tiên phong trong các phong trào thi đua và các cuộc vận động của Hội, của Đảng, Nhà nước và của địa phương.

+ Được chi Hội bình chọn, suy tôn.

Điều 9. Thẩm quyền, thời gian xét, công nhận các danh hiệu thi đua

1. Thời gian bình xét

Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm.

2. Thẩm quyền xét, công nhận

a) Ban Thường vụ Trung ương Hội quản lý, thẩm định và công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội cho đơn vị xuất sắc tiêu biểu công tác Hội và phong trào nông dân cấp tỉnh, tập thể xuất sắc tiêu biểu thuộc cơ quan Trung ương Hội. Đối với Hội Nông dân các tỉnh, thành phố tỉ lệ không quá 50% tổng số các tỉnh, thành Hội đạt danh hiệu “Đơn vị xuất sắc”. Đối với các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội không quá 30% tổng số các ban, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

- Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào nông dân cấp tỉnh. Tỷ lệ không quá 45% trong số các tỉnh, thành Hội đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

- Đơn vị tiên tiến công tác Hội và phong trào nông dân cấp tỉnh.

b) Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào nông dân cấp huyện. Tỷ lệ không quá 45% trong số tổ chức Hội các quận, huyện, thị, thành phố trực thuộc đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

- Đơn vị tiên tiến công tác Hội và phong trào nông dân cấp huyện.

c) Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Đơn vị xuất sắc công tác Hội và phong trào nông dân cấp cơ sở. Tỷ lệ không quá 45% tổng số cơ sở Hội đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

- Đơn vị tiên tiến công tác Hội và phong trào nông dân cấp cơ sở

d) Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- “Chi Hội vững mạnh xuất sắc”. Tỷ lệ không quá 45% tổng số chi hội được xếp loại chi Hội vững mạnh.

- “Tổ Hội vững mạnh xuất sắc”. Tỷ lệ không quá 45% tổng số chi hội được xếp loại chi Hội vững mạnh.

- “Hội viên xuất sắc tiêu biểu”. Tỷ lệ không quá 3% tổng số hội viên của chi Hội.

Điều 10. Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Xét định kỳ hàng năm

Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội được xét tặng hàng năm cho các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội và Hội Nông dân các tỉnh, thành phố trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị xuất sắc” (đối với cấp tỉnh), “Tập thể lao động xuất sắc” (đối với các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội) theo tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là ban, đơn vị tiêu biểu xuất sắc của cơ quan Trung ương Hội, là Hội Nông dân tỉnh, thành phố xuất sắc của cả nước;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các ban, đơn vị, Hội Nông dân tỉnh, thành phố khác học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Xét theo nhiệm kỳ

Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội được xét tặng theo nhiệm kỳ 5 năm một lần vào năm cuối của nhiệm kỳ đại hội cho các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội, Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, hàng năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị xuất sắc” công tác Hội và phong trào nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội” hoặc 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội”.

Đối với cấp huyện, mỗi tỉnh, thành phố chọn một đơn vị dẫn đầu trong số các đơn vị xuất sắc, tiêu biểu (riêng Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa chọn 2 đơn vị).

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Hình thức khen thưởng của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

1. Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam”

Xét tặng cho các cá nhân có nhiều thành tích, công lao đóng góp trong công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân được quy định tại Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam” của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội

2.1. Tiêu chuẩn

a) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Trung ương Hội phát động hàng năm.

+ Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực, từng mặt hoạt động của Hội.

+ 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho các tập thể (ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội; Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện và cơ sở) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực, từng mặt hoạt động của Hội;
- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể”.

c) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho gia đình hội viên nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xây dựng nông thôn mới, tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam hoặc có tinh thần, nghị lực vượt khó vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất góp phần giảm nghèo, làm giàu cho gia đình.

Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Trung ương Hội quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế tại từng thời điểm xét khen thưởng.

d) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho các tập thể, các tổ chức, các cá nhân trong nước, các tổ chức Quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả xây dựng giai cấp Nông dân và Hội Nông dân Việt Nam do các ban chuyên môn Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố đề nghị.

2.2. Tỷ lệ xét tặng bằng khen tổng kết công tác Hội hàng năm

a) Tập thể

- Các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội: Không quá 30% tổng số ban, đơn vị trực thuộc.

- Hội Nông dân cấp tỉnh: Không quá 30% tổng số các tỉnh, thành phố.

- Đối với Hội Nông dân cấp huyện và cơ sở: Hàng năm, căn cứ vào các nhiệm vụ công tác Hội, các phong trào thi đua do Hội phát động theo các chuyên đề để bình xét và đề nghị tặng bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu.

+ Hội Nông dân cấp huyện: Không quá 10% tổng số Hội Nông dân quận, huyện, thị, thành phố trực thuộc.

+ Hội Nông dân cấp cơ sở: Không quá 5% tổng số Hội Nông dân xã, phường, thị trấn.

b) Cá nhân:

- Cơ quan Trung ương Hội: Không quá 15% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị.

- Cấp tỉnh: Không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cấp huyện: Không quá 5% tổng số cán bộ, công chức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cấp cơ sở: Không quá 3% tổng số cán bộ Hội chuyên trách và không chuyên trách.

Điều 12. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp tỉnh

Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh được xét tặng hàng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Bằng khen của Hội Nông dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội phát động hàng năm.

- Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực, từng mặt hoạt động của Hội.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm, trong thời gian đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh để tặng cho các tập thể (các ban, đơn vị thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh; Hội Nông dân cấp huyện, cấp cơ sở và chi Hội) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực, từng mặt hoạt động của Hội;

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh để tặng cho gia đình hội viên nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xây dựng nông thôn mới, tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam hoặc có tinh thần, nghị lực vượt khó vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất góp phần giảm nghèo, làm giàu cho gia đình.

Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quy định.

Điều 13. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp huyện

Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện được xét tặng hàng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện được xét tặng hàng năm cho các cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện được xét tặng hàng năm cho các tập thể có thành tích xuất sắc (cơ sở hội, chi hội), đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.”

c) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho gia đình hội viên nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xây dựng nông thôn mới, tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam hoặc có tinh thần, nghị lực vượt khó vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất góp phần giảm nghèo, làm giàu cho gia đình.

Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện quy định.

Điều 14. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp cơ sở

Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở được xét tặng hàng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở được xét tặng hàng năm cho các cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, là hội viên xuất sắc tiêu biểu.

b) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở được xét tặng hàng năm cho các tập thể có thành tích xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.”

c) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho gia đình hội viên nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xây dựng nông thôn mới, tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam hoặc có tinh thần, nghị lực vượt khó vươn lên trong cuộc sống và lao động sản xuất góp phần giảm nghèo, làm giàu cho gia đình.

Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

2. Đối tượng:

a) Chi Hội, tổ Hội nông dân đạt nhiều thành tích qua sơ kết, tổng kết hàng năm và nhiệm kỳ.

b) Hội viên xuất sắc tiêu biểu

c) Tập thể, cá nhân có thành tích ngoài Hội do Ban Thường vụ Hội cơ sở quy định.

3. Tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quy định.

Điều 15. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp phát động.

1. Điều kiện xét khen thưởng: Chỉ xét khen thưởng đối với các chuyên đề có trong nội dung thi đua, có tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề do Trung ương Hội chủ trì hoặc phối hợp tổ chức.

2. Đối tượng:

- a) Tập thể, cá nhân là cán bộ Hội, hội viên nông dân các cấp.
- b) Các ban, đơn vị thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh.
- c) Tập thể, cá nhân đơn vị phối hợp.

3. Tiêu chuẩn:

- a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chỉ đạo, thực hiện chuyên đề.
- b) Được các cấp Hội, các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội bình chọn, đề xuất.

4. Thời gian đề nghị : Trước Hội nghị tổng kết, sơ kết.

Điều 16. Khen thưởng đột xuất

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

1. Đối tượng, tiêu chuẩn

Tập thể, cá nhân trong và ngoài hệ thống tổ chức Hội, có hành động dũng cảm, có nghĩa cử cao đẹp vì giai cấp nông dân và sự phát triển của Hội Nông dân Việt Nam và cộng đồng, được Ban Thường vụ Hội nông dân các cấp, các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội phát hiện, đề xuất.

2. Thời hạn trình xét khen thưởng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng.

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, QUY TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp nào do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp đó quyết định theo Quy chế làm việc của Ban Thường vụ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đó.

2. Việc khen thưởng theo chuyên đề và đột xuất, Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp giao cho Thường trực Hội Nông dân các cấp xem xét, quyết định.

3. Trường hợp cấp có thẩm quyền phát hiện tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất thì tùy theo thành tích đạt được để quyết định khen thưởng ở cấp mình hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khác khen thưởng kịp thời ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Điều 18. Thẩm quyền quản lý mẫu cờ thưởng, bằng khen, giấy khen, hiện vật khen thưởng

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội ban hành quy định thống nhất mẫu cờ thưởng, bằng khen, giấy khen trong hệ thống tổ chức Hội theo nghị định của Chính phủ.

2. Cờ thưởng, bằng khen, kỷ niệm chương do Trung ương Hội khen tặng thuộc bản quyền của Ban Chấp hành Trung ương Hội và được bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cấp nào quyết định khen thưởng thì lãnh đạo cấp đó trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền cho lãnh đạo cấp dưới trao tặng.

2. Việc tổ chức lễ trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo nghị định của Chính phủ.

Điều 20. Trách nhiệm, quy trình, thủ tục xét, đề nghị khen thưởng

1. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội, các tỉnh, thành Hội có trách nhiệm xem xét và đề nghị Ban Thường vụ Trung ương Hội xét, quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Trung ương Hội.

2. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác do cấp dưới trực tiếp của cấp Hội có thẩm quyền xem xét, quyết định và đề nghị khen thưởng.

3. Căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể đã được xác định cho từng danh hiệu thi đua, từng hình thức khen thưởng các cấp Hội tiến hành bình xét công khai, dân chủ, chính xác, khách quan.

4. Kết quả bình xét được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của từng cấp Hội xét và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp đó xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền đã được quy định trong Quy định này.

5. Chuyên đề thuộc lĩnh vực nào do ban, đơn vị nào tham mưu cho Ban Thường vụ khi sơ kết, tổng kết thì ban, đơn vị thuộc lĩnh vực đó chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ trình.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, xét khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể.
- Văn bản đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và ý kiến đồng ý của cấp ủy đảng cùng cấp (đối với tập thể).
- Biên bản bình xét thi đua.

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

a) Khen thưởng định kỳ

- Văn bản đề nghị khen thưởng của tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp có cá nhân, tập thể được xét khen thưởng (Tờ trình đề nghị của cụm thi đua hoặc của Ban Thường vụ cấp Hội chịu trách nhiệm xét, trình).

- Biên bản cuộc họp xét khen thưởng của đơn vị cấp trình khen hoặc cụm thi đua.

- Báo cáo thành tích của cá nhân (có ý kiến xác nhận của Ban Thường vụ cấp Hội nơi đang công tác hoặc sinh hoạt), tập thể (có ý kiến xác nhận của cấp ủy đảng cùng cấp).

- Bản tổng hợp danh sách trích ngang thành tích.

- Trường hợp xét khen thưởng thành tích về nghiên cứu khoa học, phát minh sáng kiến thì phải có quyết định hoặc bằng công nhận do cơ quan thẩm quyền cấp gửi kèm theo hồ sơ (bản sao có công chứng).

- Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến của Trung ương Hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các tỉnh, thành Hội).

- Đối với các tổ chức quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều đóng góp thiết thực xây dựng giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam do các ban chuyên môn Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có văn bản đề nghị.

b) Đối với khen thưởng chuyên đề và khen đột xuất

- Tờ trình đề nghị của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trình khen hoặc bộ, ban, ngành đề nghị khen.

- Báo cáo thành tích có xác nhận của lãnh đạo đơn vị quản lý trực tiếp.

- Tờ trình đề nghị của ban, đơn vị theo dõi chuyên đề có xác nhận của Thường trực phụ trách.

- Danh sách trích ngang thành tích.

c) Những trường hợp được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản hơn:

- Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị.

- Cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, sản xuất.

Điều 22. Thời gian xét khen thưởng

1. Việc xét thi đua, khen thưởng thường xuyên đối với các tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân các cấp được xét khen thưởng 01 năm/01 lần vào dịp tổng kết cuối năm.

2. Khen thưởng 5 năm vào cuối nhiệm kỳ hoặc khen thưởng sơ kết, tổng kết 3 năm trở lên đối với một lĩnh vực hoặc một chuyên đề công tác.

3. Đối với các trường hợp khen thưởng chuyên đề, đột xuất không quy định thời gian.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC BỘ MÁY HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Tổ chức và trách nhiệm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu cho Chủ tịch ban chấp hành, thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp nào do Ban Thường vụ cấp đó quyết định thành lập.

1. Số lượng, Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

a) Số lượng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 11 - 15 thành viên.

b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội và tỉnh, thành Hội gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: là đồng chí Chủ tịch ban chấp hành.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: là các đồng chí Phó Chủ tịch ban chấp hành.

- Ủy viên của Hội đồng: là các đồng chí Trưởng các ban, đơn vị. Do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Cán bộ lãnh đạo ban chuyên môn phụ trách thi đua, khen thưởng là ủy viên Thường trực Hội đồng.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và cơ sở

Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện và cấp cơ sở trực tiếp thực hiện chức năng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Chủ tịch Ban Chấp hành Hội trực tiếp phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

a) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn.

c) Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị và đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng với các cấp có thẩm quyền.

d) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan về nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp, hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua; tổng hợp kết quả thi đua, đề nghị khen thưởng.

đ) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

e) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

g) Xem xét, giải quyết và đề nghị giải quyết các kiến nghị, khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Ban Tổ chức (hoặc Văn phòng) là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

CHƯƠNG VI QUỸ KHEN THƯỞNG

Điều 24. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập Quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân các cấp được hình thành từ ngân sách Nhà nước cấp, từ nguồn thu hội phí, từ nguồn đóng góp ủng hộ của các doanh nghiệp; của các cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cấp đó quản lý, sử dụng. Quỹ được chi:

- Chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm kỷ niệm chương, cờ thi đua, khung bằng khen.

- Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm cho cá nhân, tập thể.

- Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua.

- Nghiêm cấm sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội hàng năm được quyết toán theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

3. Chế độ khen thưởng

a) Trung ương Hội: Chi khen thưởng cho tập thể tỉnh, thành Hội; các ban, đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan Trung ương Hội đạt danh hiệu thi đua hàng năm của Trung ương Hội hoặc khen thưởng tại Hội nghị sơ kết, tổng kết lĩnh vực hoạt động, chuyên đề do Trung ương tổ chức.

Mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Trung ương Hội do Thường trực Trung ương Hội quyết định.

b) Việc chi thưởng đối với tập thể, cá nhân tại cấp tỉnh, huyện, cơ sở do Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp quyết định.

CHƯƠNG VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân và phối hợp với Ban Kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý; việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các điều khoản của Quy định này; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Hội thì bị xử lý theo các quy định của Điều lệ Hội và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Việc thu hồi quyết định khen thưởng, hiện vật và tiền thưởng của Hội được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.
- Hiện vật khen thưởng hay danh hiệu thi đua của Hội bị sử dụng sai mục đích hoặc bị lợi dụng vào những việc vi phạm pháp luật.
- Cá nhân, tập thể được nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Hội đến mức gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của tổ chức Hội.

3. Việc thu hồi khen thưởng do cấp Hội ra quyết định khen thưởng xem xét quyết định.

4. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng

trái pháp luật hoặc trái với Quy định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và của tổ chức Hội.

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng có trách nhiệm tham mưu cho Ban Thường vụ Trung ương Hội và phối hợp với Ban kiểm tra của Hội cùng cấp tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo đúng các quy định của Quy định thi đua, khen thưởng của Hội, Điều lệ Hội, pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khiếu nại, tố cáo

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, Ban Tổ chức Trung ương Hội chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ xây dựng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội kết quả thực hiện.

2. Căn cứ Quy định này, Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung quy định thi đua, khen thưởng của tỉnh, thành Hội để triển khai thực hiện.

Điều 29. Hiệu lực của Quy định

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành và thay thế Quy định số 01 - QĐ/HNDTW, ngày 04/01/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp qua phản ánh của Hội Nông dân các tỉnh, thành phố, các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội sẽ nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.